

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CẨM LỆ  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 01- 8 - 2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Trình

Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dự - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Tề Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hà G**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: **Kiệt B N, tổ D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.** (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Hà Đức M**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: **Kiệt B N, tổ D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.** (Có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19 tháng 4 năm 2024 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà **Trần Thị Hà G** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông **Hà Đức M** vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam** theo trích lục kết hôn số

95/2024/TLKH-BS ngày 06 tháng 3 năm 2024, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống tại địa chỉ: **Kiệt B N, tổ D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất vào năm 2024. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông **Hà Đức M**.

- Về con chung: Bà **Trần Thị Hà G** xác nhận vợ chồng có 03 con chung: **Hà Gia H**, sinh ngày: 20/11/2008; **Hà Gia Khánh U**, sinh ngày: 10/02/2015; **Hà Gia K**, sinh ngày: 23/8/2017.

Sau ly hôn, bà có nguyện vọng giao con **Hà Gia H**, sinh ngày: 20/11/2008 và **Hà Gia Khánh U**, sinh ngày: 10/02/2015 cho ông **Hà Đức M** nuôi dưỡng, bà nuôi con **Hà Gia K**. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện bổ sung bà yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nhưng đến ngày 25/4/2024 bà xin rút về tài sản chung, bà không yêu cầu giải quyết tài sản.

- Về nợ chung: Bà **Trần Thị Hà G** xác nhận vợ chồng không có nợ chung

*\* Đối với bị đơn ông **Hà Đức M**:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông **Hà Đức M** nhưng ông **Hà Đức M** cố tình vắng mặt không đến Tòa làm việc mà không có lý do. Do đó Tòa án không tiến hành cho ông **Hà Đức M** viết bản tự khai, cũng như không thể tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa ông **Hà Đức M** có mặt, ông xác nhận thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như bà **Trần Thị Hà G** trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hiện bà **Trần Thị Hà G** đã ra ngoài sống riêng, nay bà **Trần Thị Hà G** xin được ly hôn ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 03 con chung như bà **Trần Thị Hà G** trình bày. Hiện ông đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung nêu trên, các cháu thương yêu nhau và học rất tốt, ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 03 con, không yêu cầu bà **Trần Thị Hà G** cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết tài sản.

- Về nợ chung: Ông xác nhận vợ chồng không có nợ chung

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*



- **Về tố tụng:** Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- **Về việc giải quyết vụ án:**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị Hà G** và ông **Hà Đức M**.

+ Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà **Trần Thị Hà G** và ông **Hà Đức M**. Giao 03 con **Hà Gia H**, sinh ngày: 20/11/2008; **Hà Gia Khánh U**, sinh ngày: 10/02/2015; **Hà Gia K**, sinh ngày: 23/8/2017 cho ông **Hà Đức M** trực tiếp nuôi dưỡng, bà **Trần Thị Hà G** không cấp dưỡng nuôi con. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của bà **Trần Thị Hà G** đối với ông **Hà Đức M**

+ Về nợ chung: Bà **G** và ông **M** xác nhận vợ chồng không nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

Bà **Trần Thị Hà G** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Nội dung tranh chấp:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà **Trần Thị Hà G** và ông **Hà Đức M** được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam** theo trích lục kết hôn số 95/2024/TLKH-BS ngày 06 tháng 3 năm 2024. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà **Trần Thị Hà G** khai rằng: Bà không còn tình cảm, không còn thương yêu gì đối với ông **Hà Đức M** nữa, hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung, không còn trách nhiệm với nhau, tình cảm giữa bà với ông **M** không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông **M**

Đối với bị đơn ông **Hà Đức M** Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông **Hà Đức M** nhưng ông **Hà Đức M** vẫn không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể

cho ông Hà Đức M viết bản tự khai, cũng như hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa ông Hà Đức M xác nhận hiện tại vợ chồng không chung sống cùng nhau, bà Trần Thị Hà G đã ra ngoài sống riêng, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa bà Trần Thị Hà G và ông Hà Đức M không đạt được mục đích này. Xét thấy cuộc hôn nhân của bà Trần Thị Hà G và ông Hà Đức M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 luật HNGĐ năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Hà G và ông Hà Đức M.

[1.2] Về con chung:

Bà Trần Thị Hà G và ông Hà Đức M xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên: Hà Gia H, sinh ngày: 20/11/2008; Hà Gia Khánh U, sinh ngày: 10/02/2015; Hà Gia K, sinh ngày: 23/8/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, 03 con nêu trên được ông Hà Đức M trực tiếp nuôi dưỡng, trong đó có 02 con từ đủ 07 tuổi nên tòa án yêu cầu ông Hà Đức M đưa con đến tòa án để tòa án lấy ý kiến của con, xem nguyện vọng của các con muốn sống với ai sau khi cha mẹ ly hôn, nhưng ông Hà Đức M không đưa con Hà Gia Khánh U đến tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Hà Đức M có nguyện vọng được nuôi 03 con và bà Trần Thị Hà G đồng ý, bà G không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại phiên tòa bà Trần Thị Hà G và ông Hà Đức M thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội căn cứ vào các điều 81,82,83 luật HNGĐ năm 2014 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[1.3] Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của bà Trần Thị Hà G đối với ông Hà Đức M

[1.4] Về nợ chung: Bà G và ông M xác nhận vợ chồng không nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

[2] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Hà G phải chịu là 300.000 đồng.

[3] Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa:

Đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn và công nhận thỏa thuận nuôi con sau ly hôn, đình chỉ giải quyết tài sản chung giữa bà Trần Thị Hà G và ông Hà Đức M.

HĐXX xét thấy đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận của HĐXX nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên;*



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147, 227, 266, 267, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị Hà G** và ông **Hà Đức M**.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn giữa bà **Trần Thị Hà G** và ông **Hà Đức M** như sau:

Giao 03 con chung: **Hà Gia H**, sinh ngày: 20/11/2008; **Hà Gia Khánh U**, sinh ngày: 10/02/2015; **Hà Gia K**, sinh ngày: 23/8/2017 cho ông **Hà Đức M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà **Trần Thị Hà G** không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của bà **Trần Thị Hà G** đối với ông **Hà Đức M**

4. Về nợ chung: Bà **Trần Thị Hà G** và ông **Hà Đức M** xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà **Trần Thị Hà G** phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **Trần Thị Hà G** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000737 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

6. Hoàn trả cho bà **Trần Thị Hà G** số tiền 24.750.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí bà **Trần Thị Hà G** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000783 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

7. Báo cho **Trần Thị Hà G** và ông **Hà Đức M** biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Điện Thắng Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Hai**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**















